

Bản án số: 166/2025/HS-PT

Ngày: 23-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Đặng Kim Nhân

ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai phần dân sự trong vụ án hình sự thụ lý số 68/2025/TLPT-HS ngày 01/8/2025 (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 09-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên), giữa:

1. Nguyên đơn dân sự:

1.1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978; nơi ĐKTT: **Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên**; nơi ở hiện nay: **Nhà số E N, khu phố T, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là E N, khu phố T, phường T, tỉnh Đắk Lắk)**, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **T**: bà **Võ Thị Hồng T1** - Luật sư, **Công ty L1**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh P** (nay là **Đoàn Luật sư tỉnh Đ**), có mặt tại phiên tòa.

1.2. Bà **Dương Thị Quỳnh D**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **Khu phố Đ, Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là Khu phố Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk)**, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn dân sự:

2.1. Bà **Nguyễn Thị Khánh H**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **Khu dân cư N, khu phố L, Phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là Khu dân cư N, khu phố L,**

phường T, tỉnh Đắk Lắk) đang chấp hành án tại Trại giam Đ, Cục C1 Bộ C2, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Khánh H: ông Lý Mạnh D1 - Luật sư, Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P (nay là Đoàn Luật sư tỉnh Đ); địa chỉ: B D, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là B D, phường T, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

2.2. Bà Huỳnh Thị Thanh H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là Khu phố E, phường P, tỉnh Đắk Lắk), có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị Thanh H1: ông Nguyễn Hương Q - Luật sư, Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P; địa chỉ: C M, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là C M, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt tại phiên tòa.

2.3. Ông Ngô Tấn H2, sinh năm 1977; nơi cư trú: 2 N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là 28/17 Nguyễn Công T2, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã Quyết định về phân trách nhiệm bồi thường dân sự "Buộc bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bà Nguyễn Thị T 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng, chị Dương Thị Quỳnh D 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu) đồng". Nhưng tại Bản án hình sự phúc thẩm số 276/2024/HS-PT ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh P để điều tra lại.

Tại Công văn số: 02/VKS-P1 ngày 31/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên V/v chuyển phần dân sự trong vụ án hình sự cho Tòa án xét xử.

Trên cơ sở kết quả điều tra lại thể hiện: ngày 22/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên ra quyết định trả hồ sơ vụ án Nguyễn Thị Khánh H và 04 bị cáo khác về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 4 Điều 174; khoản 3 Điều 341; khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự để Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P điều tra lại về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại đối với bà Nguyễn Thị T với số tiền 5.000.000.000 đồng và chị Dương Thị Quỳnh D số tiền 3.500.000.000 đồng theo Bản án phúc thẩm số 276/2024/HS-PT ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Ngày

24/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ban hành Bản kết luận điều tra số 40 xác định:

- Đối với số tiền chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T: ngày 04/01/2022 và ngày 12/01/2022 bà T cho bà H vay 5.000.000.000 đồng, bà H chiếm đoạt trả nợ cá nhân, trong đó bà H trả nợ cho bà Huỳnh Thị Thanh H1 với tổng số tiền 4.300.800.000 đồng, cụ thể:

Ngày 04/01/2022, bà T sử dụng số tài khoản ngân hàng V1 0751000044508 chuyển 08 lần với tổng số tiền 2.900.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M 4567839799999 của bà H. Do bà T chuyển nhầm nên cùng ngày bà H đã chuyển trả lại cho bà T 400.000.000 đồng, còn lại 2.500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà T, bà H đã sử dụng tiền này trả nợ cho bà H1 với tổng số tiền 2.379.600.000 đồng qua tài khoản ngân hàng M 8500102671009 của bà H1.

Tương tự, ngày 12/01/2022 bà T chuyển khoản cho bà H 09 lần với tổng số tiền 2.500.000.000 đồng. Cùng ngày bà H sử dụng tiền này trả nợ cho bà H1 với tổng số tiền 1.921.200.000 đồng.

- Đối với số tiền chiếm đoạt của chị Dương Thị Quỳnh D: ngày 15/02/2022, chị Dương Thị Quỳnh D cho bà H vay 2.000.000.000 đồng, bà H chiếm đoạt sử dụng trả nợ cá nhân, trong đó trả cho ông Ngô Tấn H2 1.700.000.000 đồng.

Ngày 31/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã ban hành Công văn số 02 ngày 31/3/2025 chuyển hồ sơ vụ án liên quan đến phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự Nguyễn Thị Khánh H và 04 bị cáo khác về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 4 Điều 174; khoản 3 Điều 341; khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự bị cấp phúc thẩm hủy án để điều tra lại theo Bản án phúc thẩm số 276/2024/HS-PT ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên để xét xử theo thẩm quyền.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 09-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (xét xử phần dân sự trong vụ án hình sự) đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà **Huỳnh Thị Thanh H1** phải hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 4.300.800.000 đồng. Buộc bà **Nguyễn Thị Khánh H** phải trả nợ tiền vay cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 699.200.000 đồng và trả nợ tiền vay cho bà **Huỳnh Thị Thanh H1** số tiền 4.300.800.000 đồng.

2. Buộc ông **Ngô Tấn H2** phải hoàn trả lại cho bà **Dương Thị Quỳnh D** số tiền 1.700.000.000 đồng. Buộc bà **Nguyễn Thị Khánh H** phải trả nợ tiền vay cho bà **Dương Thị Quỳnh D** số tiền 1.800.000.000 đồng và trả nợ tiền vay cho ông **Ngô Tấn H2** số tiền 1.700.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn dân sự chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 16/6/2025, ông **Ngô Tấn H2** kháng cáo bản án sơ thẩm và ngày 20/6/2025, bà **Huỳnh Thị Thanh H1** kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của ông **Ngô Tấn H2** và của bà **Huỳnh Thị Thanh H1** là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: bị cáo **Nguyễn Thị Khánh H** bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử và tuyên phạt 22 năm tù về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Bản án hình sự phúc thẩm số 276/2024/HS-PT ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của **Tòa án nhân dân tỉnh P** để điều tra lại về trách nhiệm dân sự. Quá trình điều tra lại xác định: **Nguyễn Thị Khánh H** (là bị cáo trong vụ án hình sự, nay là bị đơn dân sự trong vụ án này) chiếm đoạt tài sản là tiền của bị hại **Nguyễn Thị T**, **Dương Thị Quỳnh D** là vật chứng của vụ án. Quá trình điều tra chứng minh được: **H** chiếm đoạt tiền của hai bị hại đã chuyển cho bà **Huỳnh Thị Thanh H1** 4,3 tỷ đồng và chuyển cho ông **Ngô Tấn H2** 1,7 tỷ đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà **Huỳnh Thị Thanh H1** phải hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 4.300.800.000 đồng và buộc ông **Ngô Tấn H2** phải hoàn trả lại cho bà **Dương Thị Quỳnh D** số tiền 1.700.000.000 đồng là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Ngô Tấn H2** và của bà **Huỳnh Thị Thanh H1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư **Nguyễn Hương Q** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Huỳnh Thị Thanh H1** trình bày: Bản án phúc thẩm số 276/2024/HS-PT ngày 25/6/2024 chỉ huỷ phần dân sự về nội dung “*buộc bị cáo Nguyễn Thị Khánh H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000.000 đồng và bà Dương Thị Quỳnh D số tiền 3,5 tỷ đồng*”, các nội dung khác có hiệu lực thi hành. Nhưng tại Bản án sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên vẫn buộc bà **Huỳnh Thị Thanh H1** phải nộp lại phương tiện phạm tội là khoản tiền cho vay (tiền gốc) là 3.140.000.000 đồng; phải nộp lại khoản tiền lãi phát sinh từ phạm tội là 47.495.890 đồng và khoản tiền lãi trên 20%/năm là 472.584.110 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tổng cộng là 3.140.000.000 đồng + 47.495.890 đồng + 472.584.110 đồng = 3.660.080.000 đồng vẫn có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 09/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk) tuyên buộc bà **Huỳnh Thị Thanh H1** hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 4.300.800.000 đồng là chưa đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho bà **Huỳnh Thị Thanh H1** là bởi lẽ: căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị quyết 03/2020 ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì trường hợp này được xem là cùng một tài sản vừa là tang vật vụ án, vừa là liên quan đến tranh chấp dân sự, nên Toà án cần xem xét xác định bản chất của tài sản theo hướng xét xử một lần, việc vừa tuyên sung quỹ Nhà nước và tuyên buộc bồi thường như vụ án này là không công bằng cho bà **Huỳnh Thị Thanh H1**, tổng cộng số tiền bà **Huỳnh Thị Thanh H1** phải chịu là 3.660.080.000 + 4.300.800.000 đồng = 7.960.880.000 đồng. Vì vậy, kính đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án theo hướng: khoản tiền 4.300.800.000 đồng buộc bà **Nguyễn Thị Khánh H** trả cho bà **Huỳnh Thị Thanh H1**, thì sẽ được xem là tang vật trong vụ án thì sẽ được sung quỹ Nhà nước theo Bản án sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 08/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên. Như vậy, thì quyền lợi của bà **Nguyễn Thị T** sẽ được bảo vệ qua việc yêu cầu hoàn trả từ số tiền tang vật vụ án đã được tịch thu bổ sung, thay vì buộc bà **Huỳnh Thị Thanh H1** phải trả thêm là không có căn cứ. Vì những lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu buộc bà **Huỳnh Thị Thanh H1** phải trả cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 4.300.800.000 đồng. Bà **Huỳnh Thị Thanh H1** thống nhất trình bày của Luật sư **Q**, không bổ sung.

Ông **Ngô Tấn H2** trình bày: Bản án hình sự phúc thẩm của Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng huỷ phần dân sự của bản án hình sự sơ thẩm của tỉnh Phú Yên, rồi đến bản án sơ thẩm giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên buộc tôi trả 1,7 tỷ cho bà **D**, vì xác định đây là tiền do bà **H** phạm tội mà có. Thời điểm bị cáo **H** trả tiền cho tôi là ngày 11/02/2022, còn tiền bà **D** chuyển cho bị cáo **H** là ngày 15/02/2022. Sở dĩ trong quá trình điều

tra, tôi có đề nghị cơ quan điều tra làm rõ nội dung này, nhưng họ bảo tiền của tôi đã được trả nên việc có nhớ chính xác ngày trả không là không quan trọng, miễn anh xác định tiền của anh đã được bị cáo H đã trả cho anh là được rồi. Nếu ngay từ đầu cơ quan điều tra xác định tiền của tôi là tiền do bị cáo H phạm tội mà có, thì tôi đã đề nghị cơ quan điều tra thu thập sao kê Ngân hàng để chứng minh nội dung này. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm xác định lại số tiền bị cáo H trả cho tôi không phải là tiền do bị cáo chiếm đoạt của bà D. Điều này bị cáo H cũng đã thừa nhận tại các phiên tòa hình sự.

Luật sư **Võ Thị Hồng T1** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Nguyễn Thị T** trình bày: bản án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà T, bà D trình bày: đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 và 20/6/2025 ông **Ngô Tấn H2** và bà **Huỳnh Thị Thanh H1** kháng cáo bản án sơ thẩm. Như vậy, kháng cáo của ông H2, bà H1 là trong thời hạn luật định, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông **Ngô Tấn H2**, bà **Huỳnh Thị Thanh H1**:

[2.1] Quá trình điều tra lại xác định:

Đối với số tiền của bà Nguyễn Thị T: căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án tra xác định, năm 2017 **Nguyễn Thị Khánh H** mất khả năng thanh toán các khoản nợ. Để có tiền trả nợ các khoản nợ mà bà H đã vay, **Nguyễn Thị Khánh H** đã đưa ra nhiều thông tin gian dối là H làm dịch vụ đảo hạn Ngân hàng, sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để những người nguyên đơn dân sự tin tưởng cho vay. Sau khi nhận tiền, **Nguyễn Thị Khánh H** chiếm đoạt, sử dụng trả nợ cá nhân. Thể hiện sao kê tài khoản của bà T và H xác định: ngày 04/01/2022 và ngày 12/01/2022, bà T cho **Nguyễn Thị Khánh H** vay 5.000.000.000 đồng (ngày 04/01/2022 bà T chuyển cho H 2.500.000.000 đồng, ngày 12/01/2022 bà T chuyển cho H 2.500.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền của bà T, **Nguyễn Thị Khánh H** chuyển cho bà **Huỳnh Thị Thanh H1** tổng số tiền 4.300.800.000 đồng, trong đó ngày 04/01/2022 chuyển 2.379.600.000 đồng và ngày 12/01/2022 chuyển 1.921.200.000 đồng.

Đối với số tiền bà H chiếm đoạt của bà Dương Thị Quỳnh D: căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xác định, khoảng ngày 08, 09/02/2022 **Nguyễn Thị Khánh H** đưa ra thông tin gian dối với bà D là bà H có khoản vay tại **Ngân hàng V1** đã được duyệt nâng hạn mức cho vay, nên cần số tiền 1.500.000.000

đồng để trả Ngân hàng. Bà D tin tưởng nên cho H vay số tiền 1.500.000.000 đồng, hẹn 05 ngày trả, nhưng đến nay H chưa trả. Ngày 13/02/2022, Nguyễn Thị Khánh H hỏi bà D vay số tiền 2.000.000.000 đồng để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà H mượn của ông Nguyễn Đình T3 và bà Nguyễn Thị Việt A thế chấp cho ông Vũ Nhất D2 vay số tiền 2.000.000.000 đồng, sau đó H sẽ nhờ ông T3, bà A thế chấp vay tiền tại Ngân hàng và trả cho bà D. Bà D tin tưởng, nên sáng ngày 15/02/2022 bà D cho Nguyễn Thị Khánh H vay 2.000.000.000 đồng, hẹn 02 ngày trả. Nguyễn Thị Khánh H nhận và rút 1.700.000.000 đồng tiền mặt trả cho ông Ngô Tấn H2, số tiền còn lại H trả gốc, lãi cho một số cá nhân khác. Quá trình điều tra lại Nguyễn Thị Khánh H thừa nhận có vay bà D 2.000.000.000 đồng và cùng ngày H rút 1.700.000.000 đồng trả cho ông Ngô Tấn H2. Ông H2 cũng thừa nhận Nguyễn Thị Khánh H có trả cho Ông số tiền 1.700.000.000 đồng do H nợ ông H2, còn tiền ở đâu Nguyễn Thị Khánh H có để trả thì ông H2 không biết.

[2.2] Như vậy, có căn cứ khẳng định: các khoản tiền mà Nguyễn Thị Khánh H chiếm đoạt của các bị hại là bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị Quỳnh D, sau đó Nguyễn Thị Khánh H sử dụng để trả nợ cho Huỳnh Thị Thanh H1 và ông Ngô Tấn H2 là vật chứng của vụ án, nên cần thu hồi để hoàn trả lại cho các bị hại là bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị Quỳnh D theo quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời, buộc Nguyễn Thị Khánh H phải trả nợ tiền vay cho bà Nguyễn Thị T số tiền 699.200.000 đồng và trả nợ tiền vay cho bà Huỳnh Thị Thanh H1 số tiền 4.300.800.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị Khánh H phải trả nợ tiền vay cho bà Dương Thị Quỳnh D số tiền 1.800.000.000 đồng và trả nợ tiền vay cho ông Ngô Tấn H2 số tiền 1.700.000.000 đồng.

[3] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của người bảo vệ, các bên đương sự và những nội dung đã được phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định, bản án sơ thẩm đã xét xử và quyết định: buộc bà Huỳnh Thị Thanh H1 phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 4.300.800.000 đồng; buộc Nguyễn Thị Khánh H phải trả nợ tiền vay cho bà Nguyễn Thị T số tiền 699.200.000 đồng và trả nợ tiền vay cho bà Huỳnh Thị Thanh H1 số tiền 4.300.800.000 đồng. Buộc ông Ngô Tấn H2 phải hoàn trả lại cho bà Dương Thị Quỳnh D số tiền 1.700.000.000 đồng; buộc Nguyễn Thị Khánh H phải trả nợ tiền vay cho bà Dương Thị Quỳnh D số tiền 1.800.000.000 đồng và trả nợ tiền vay cho ông Ngô Tấn H2 số tiền 1.700.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Tấn H2, bà Huỳnh Thị Thanh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: ông Ngô Tấn H2, bà Huỳnh Thị Thanh H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của ông **Ngô Tấn H2**, bà **Huỳnh Thị Thanh H1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các Điều 463, 466, 468, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Buộc bà **Huỳnh Thị Thanh H1** phải hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 4.300.800.000 đồng. Buộc **Nguyễn Thị Khánh H** phải trả nợ tiền vay cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 699.200.000 đồng và trả nợ tiền vay cho bà **Huỳnh Thị Thanh H1** số tiền 4.300.800.000 đồng.

2.2. Buộc ông **Ngô Tấn H2** phải hoàn trả lại cho bà **Dương Thị Quỳnh D** số tiền 1.700.000.000 đồng. Buộc **Nguyễn Thị Khánh H** phải trả nợ tiền vay cho bà **Dương Thị Quỳnh D** số tiền 1.800.000.000 đồng và trả nợ tiền vay cho ông **Ngô Tấn H2** số tiền 1.700.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn dân sự chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí phúc thẩm: ông **Ngô Tấn H2**, bà **Huỳnh Thị Thanh H1** mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007859 ngày 27/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk) và số 0000482 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Kim Nhân

Nguyễn Tấn Long

Trần Quốc Cường